TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 288/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2026/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1994;

CCCD: 027094006xxx; Cấp ngày: 25/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

ĐKNKTT và chỗ ở: Căn 0818 Tòa R1.03 khu đô thị, xã G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm: 2001;

Căn cước số: 027301000xxx; Cấp ngày: 07/01/2026; Nơi cấp; Bộ công an.

ĐKNKTT và chỗ ở: Căn 0818 Tòa R1.03 khu đô thị V, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Q và chị Lưu Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Anh Q và chị D xác định có 01 con chung là Phạm Quỳnh

A, sinh ngày 11/4/2023. Ly hôn, anh chị thống nhất thoả thuận chị D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 6.000.000đ/tháng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu Quỳnh A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Phạm Văn Q tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Q đã nộp tạm ứng án phí HN&GĐST ngày 10/3/2026 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005475 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội nay chuyển thành án phí. Trả lại anh Q số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- UBND xã T, tỉnh Bắc Ninh (trước là UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh); theo GCNKH số 32/2021, ngày 20/10/2021;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).